
ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HKI - NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN: TOÁN 6

A. Bài tập trắc nghiệm

I. Đại số

Câu 1. Cho A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 5, tập A được viết như thế nào?

A. $A = \{1; 2; 3; 4\}$

B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$

C. $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$
 $1; 2; 3; 4; 5\}$

D. $A = \{0;$

Câu 2. Cho B là tập hợp các số tự nhiên lẻ và lớn hơn 31, chọn khẳng định đúng:

A. $31 \in B$

B. $32 \in B$

C. $2019 \notin B$

D.

$2021 \in B$

Câu 3. Tìm x , biết $x + 20 = 42$.

A. 22.

B. 62.

C. 2.

D. 18.

Câu 4. Tìm y , biết $6095 - y = 2816$.

A. $y = 3279$.

B. $y = 3389$.

C. $y = 4879$.

D. $y = 8911$.

Câu 5. Tính nhanh $28.13 - 28.3$ được kết quả là:

A. 28

B. 280

C. 140

D. 336

Câu 6. Cho phép chia $x : 5 = 6$, khi đó thương của phép chia là:

A. x

B. 5

C. 6

D. 30

Câu 7. Tìm số tự nhiên x , biết: $(x - 52).16 = 0$

A. 0

B. 16

C. 36

D. 52

Câu 8. Công thức nào sau đây thể hiện tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng?

A. $a.(b + c) = a.b + a.c$.

B. $a + (b + c) = (a + b) + c$.

C. $a.b = b.a$.

D. $(ab).c = a.(b.c)$.

Câu 9. Trong phép chia có dư, số dư bao giờ cũng số chia.

A. nhỏ hơn.

B. lớn hơn.

C. nhỏ hơn hoặc bằng.

D. lớn hơn hoặc bằng.

Câu 10. Số tự nhiên x thỏa mãn $x.23 = 575$ là

A. 25.

B. 54.

C. 70.

D. 552.

Câu 11. Giá một chiếc khẩu trang N95 là 30 000 đồng. Tính số tiền cần có để mua 20 chiếc khẩu trang N95 đó?

- A.** 30 020 đồng. **B.** 60 000 đồng. **C.** 600 000 đồng.
D. 500 000 đồng.

Câu 12. Hãy chọn phương án đúng. Tích $8^2 \cdot 8^4$ bằng:

- A.** 8^8 **B.** 64^8 **C.** 16^6 **D.** 8^6

Câu 13. Chỉ ra khẳng định sai:

- A.** $2^3 \cdot 2^2 = 2^5$ **B.** $2^4 \cdot 2 = 2^5$ **C.** $2^6 : 2 = 2^5$ **D.** $2^3 \cdot 2^2 = 2^6$

Câu 14. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là

- A.** Nhân và chia $\Rightarrow$ Lũy thừa $\Rightarrow$ Cộng và trừ.
B. Lũy thừa $\Rightarrow$ Nhân và chia $\Rightarrow$ Cộng và trừ.
C. Cộng và trừ $\Rightarrow$ Nhân và chia $\Rightarrow$ Lũy thừa.
D. Lũy thừa $\Rightarrow$ Cộng và trừ $\Rightarrow$ Nhân và chia

Câu 15. Tìm số tự nhiên x biết $x^3 = 5^3$

- A.** $x = 5$ **B.** $x = 3$ **C.** $x = 25$ **D.** $x = 125$

Câu 16. Tích $3 \cdot 5 \cdot 7 \cdot 9 \cdot 11$ chia hết cho số nào sau đây?

- A.** 4 **B.** 8 **C.** 10 **D.** 11

Câu 17. Số nào sau đây là ước của 60?

- A.** 16 **B.** 18 **C.** 20 **D.** 22

Câu 18. Số nào sau đây là bội của 17?

- A.** 51. **B.** 54 **C.** 56 **D.** 63

Câu 19. Trong các số: 1904; 2895; 2890; 2786. Số chia hết cho 5 mà **không** chia hết cho 2 là:

- A.** 1904 **B.** 2895 **C.** 2890 **D.** 2786

Câu 20. Trong các tổng sau, tổng chia hết cho 5 là:

- A.** $10 + 25 + 34 + 2000$ **B.** $5 + 10 + 70 + 1995$
C. $25 + 15 + 33 + 45$ **D.** $12 + 25 + 2000 + 1997$

Câu 21. Điều kiện của x để biểu thức $A = 12 + 14 + 16 + x$ chia hết cho 2 là:

- A.** x là số tự nhiên chẵn **B.** x là số tự nhiên lẻ
C. x là số tự nhiên bất kì **D.**
 $x \in \{0; 2; 4; 6; 8\}$

Câu 22. Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5; 9 trong các số sau?

- A.** 45 **B.** 78 **C.** 180 **D.** 210

Câu 34. Một hình vuông có diện tích là 81 m^2 . Chu vi của hình vuông là:

- A.** 81 m **B.** 36 m **C.** 24 m **D.** 9 m

Câu 35. Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 2\text{dm}$, 12cm . Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

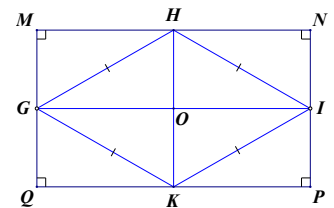
- A.** 28 cm **B.** 24 cm^2 **C.** 64 cm **D.** 28 dm

Câu 36. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 80 dm. Diện tích mảnh vườn đó là:

- A.** 960 m^2 **B.** 960 dm^2 **C.** 96 m^2 **D.** 40 m^2

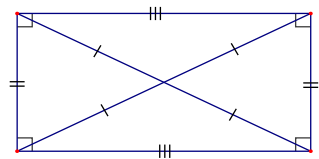
Câu 37. Cho hình vẽ biết $HK = 6\text{cm}$, $GI = 10\text{cm}$. Diện tích hình chữ nhật MNPQ là:

- A.** 15 cm^2
B. 30 cm^2
C. 32 cm^2
D. 60 cm^2



Câu 38. Trong hình chữ nhật, phát biểu nào sau đây sai?

- A.** Bốn cạnh bằng nhau
B. Hai đường chéo bằng nhau
C. Hai cạnh đối bằng nhau
D. Bốn góc vuông

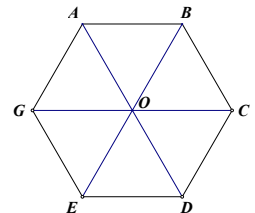


Câu 39. Một người dự định dùng dây thép gai để bao quanh một khu vườn hình chữ nhật có kích thước 15m ; 7m . Hỏi cần bao nhiêu mét dây thép gai để rào khu đất trên?

- A.** 22m **B.** 210m **C.** 44m **D.** 105m

Câu 40. Cho lục giác đều ABCDEG, ba đường chéo chính cắt nhau tại O. Có bao nhiêu hình thoi được tạo thành?

- A.** 4
B. 5
C. 6
D. 7

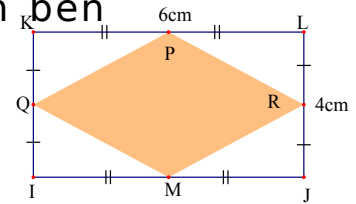


Câu 41. Khẳng định nào sau đây là đúng nhất khi nói về hai đường chéo của hình thoi

- A.** Hai đường chéo song song với nhau **B.** Hai đường chéo trùng nhau
C. Hai đường chéo vuông góc với nhau **D.** Hai đường chéo bằng nhau

Câu 42. Cho hình thoi ABCD có $BC = 5\text{cm}$. Chu vi hình thoi ABCD là:
A. 25 cm^2 **B.** 20 cm **C.** 10 cm **D.** 25 cm

Câu 43. Diện tích hình tô màu trong hình bên là:



- A.** 8cm^2
B. 12cm^2
C. 6cm^2
D. 24cm^2

Câu 44. Người ta dự định lắp kính cho một cửa sổ hình thoi có độ dài hai đường chéo là 8dm và 12dm . Biết 1dm^2 kính để làm cửa sổ hết 5000 đồng. Số tiền cần có để lắp kính cho cửa sổ là:

- A.** $240\,000$ đồng **B.** $480\,000$ đồng **C.** $48\,000$ đồng
D. $120\,000$ đồng

Câu 45. Cần bao nhiêu viên gạch hình vuông có cạnh 40cm để lát nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 10m , chiều rộng 8m ?

- A.** 400 viên **B.** 500 viên **C.** 450 viên **D.** 200 viên

Câu 46. Chọn khẳng định đúng:

- A.** Diện tích hình bình hành bằng độ dài hai cạnh của nó nhân với nhau
B. Diện tích hình bình hành bằng độ dài đáy nhân với chiều cao
C. Diện tích hình bình hành bằng độ dài hai cạnh đối diện nhân với nhau
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 47. Cho hình bình hành MNPQ có $MN = 12\text{cm}$. Độ dài PQ bằng bao nhiêu?

- A.** 6cm **B.** 12cm **C.** 18cm **D.** 12mm

Câu 48. Cho hình bình hành ABCD có $AB = 5\text{cm}$, $AD = 7\text{cm}$. Chu vi hình bình hành ABCD là

- A.** 24cm **B.** 12cm **C.** 36cm **D.** 48cm

Câu 49. Độ dài đáy của hình bình hành có chiều cao 24cm và diện tích 432cm^2 là:

- A.** 16cm **B.** 17cm **C.** 18cm **D.** 19cm

Câu 50. Diện tích của hình bình hành $ABCD$ bằng bao nhiêu ?

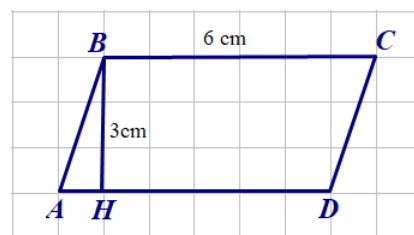
A. 18 cm

B. 18 cm²

C. 9 cm

D. 9 cm²

B. Tự luận



Dạng 1. Thực hiện phép tính

Phương pháp giải: Sử dụng quy tắc, thứ tự thực hiện, tính chất của các phép toán; dấu ngoặc để làm bài

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) 25. 12

b) 34. 11

c) 47. 101

d) 5. 125. 2. 41. 8

e) 25. 7. 10. 4

f) 4. 36. 25. 50

Bài 2. Tính bằng cách hợp lí nhất:

a) 38. 63 + 37. 38

b) 12.53 + 53. 172- 53.

84

c) 35.34 + 35.38 + 65.75 + 65.45

d) 39.8 + 60.2 + 21.8

e) 36.28 + 36.82 + 64.69 + 64.41

Bài 3. Thực hiện phép tính:

a) $3.5^2 - 16:2^2$;

b) $15.141 + 59.15$;

c) $2^3.17 - 2^3.14$;

d) $20 - [30 - (5 - 1)^2]$.

Bài 4. Thực hiện phép tính:

a) $8.5^2 - 189:3^2$

b) $200: [117 - (23 - 6)]$

c) $2020 - [45 - (6 - 1)^2] + 2019^0$

d) $476 - \{ 5. [409 - (8.3 - 21^2)] - 1724 \}$

Dạng 2. Tìm x

Phương pháp giải: Dựa vào quan hệ phép tính, tính chất chia hết, định nghĩa lũy thừa để làm bài.

Bài 5. Tìm x biết :

a) $x + 37 = 50$

b) $2.x - 3 = 11$

c) $(2 + x) : 5 = 6$

d) $2 + x : 5 = 6$

Bài 6. Tìm $x \in \mathbb{N}$ biết

a) $(x - 15) . 15 = 0$

b) $32 (x - 10) = 32$

c) $(x - 5)(x - 7) = 0$

d) $(x - 35).35 = 35$

Bài 7. Tìm $x \in \mathbb{N}$ biết:

a) $(x - 15) - 75 = 0$

b) $575 - (6x + 70) = 445$

c) $x - 105 : 21 = 15$

d) $(x - 105) : 21 = 15$

Bài 8. Tìm $x \in \mathbb{N}$ biết:

a) $x^3 = 27$

b) $(2x - 1)^3 = 8$

c) $(x - 2)^2 = 16$

d) $(2x - 3)^2 = 9$

e) $2x + 5 = 3^4 : 3^2$

f) $(3x - 2^4) \cdot 7^3 = 2 \cdot 7^4$

Bài 9. Tìm $x \in \mathbb{N}$ biết:

a) $84 : x, 180 : x$ và $x \geq 6$

b) $x : 28, x : 56, x : 70$ và $500 < x < 600$.

c) $x : 12$ và $x < 60$

Dạng 3. Toán có lời văn

Phương pháp giải: Phân tích đề bài để đưa về việc tìm ƯC hay ƯCLN của hai hay nhiều số.

Bài 10. Một lớp học có 24 học sinh nam và 18 học sinh nữ. Có bao nhiêu cách chia tổ sao cho số nam và số nữ được chia đều vào các tổ?

Bài 11. Tổ 1 của lớp 6B được nhận phần thưởng của cô giáo chủ nhiệm và mỗi em được nhận phần thưởng như nhau. Cô giáo chủ nhiệm đã chia hết 54 quyển vở và 45 bút bi. Hỏi số học sinh tổ 1 của lớp 6B là bao nhiêu? Biết mỗi tổ của lớp có số học sinh nhiều hơn 3.

Bài 12. Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 48 bút bi và 36 gói bánh thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bút bi và gói bánh?

Bài 13. Bạn Hà có 42 viên bi màu đỏ và 30 viên bi màu vàng. Hà có thể chia nhiều nhất vào bao nhiêu túi sao cho số bi đỏ và bi vàng được chia đều vào các túi? Khi đó mỗi túi có bao nhiêu viên bi đỏ và viên bi vàng?

Bài 14. Ba khối 6, 7, 8 theo thứ tự có 300 học sinh, 276 học sinh, 252 học sinh xếp thành hàng dọc để diễu hành sao cho số hàng dọc của mỗi khối như nhau. Có thể xếp nhiều nhất thành mấy hàng dọc để mỗi khối đều không có ai lẻ hàng? Khi đó ở mỗi khối có bao nhiêu hàng ngang?

Bài 15. Trong ngày đại hội thể dục thể thao, Số học sinh của một trường khi xếp thành 12 hàng, 18 hàng, 21 hàng đều vừa đủ. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh? Biết số học sinh trong khoảng từ 500 đến 600

Bài 16. Nhân dịp đi du lịch về, Mai mang đến lớp 75 chiếc kẹo và

50 gói bim bim để chia cho các bạn. Sau khi chia hết cho các bạn (tính cả mình) thì Mai còn thừa 3 chiếc kẹo và 2 gói bim bim. Hỏi lớp Mai có bao nhiêu bạn, biết số học sinh đó nhiều hơn 20

Bài 17. Một mảnh đất hình chữ nhật dài 36m , rộng 24m . Người ta muốn chia mảnh đất thành những ô vuông bằng nhau. Hỏi độ dài cạnh ô vuông lớn nhất có thể chia là bao nhiêu? (Độ dài mỗi cạnh là một số tự nhiên với đơn vị là mét)

Bài 18. Một hình chữ nhật có chiều dài 112m và chiều rộng 36m được chia thành các hình vuông có diện tích bằng nhau. Tính độ dài cạnh hình vuông lớn nhất trong cách chia trên? (số đo cạnh là số tự nhiên với đơn vị là m).

Dạng 4. Một số bài tập nâng cao

Bài 19. Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{60}$. Chứng tỏ rằng: $A : 3$, $A : 7$, $A : 5$

Bài 20. Cho 1 số có 4 chữ số: $\overline{*26*}$. Điền các chữ số thích hợp vào dấu (*) để được số có 4 chữ số khác nhau chia hết cho tất cả 4 số : $2; 3; 5; 9$.

Dạng 5. Một số bài toán hình tổng hợp

Bài 21. Cho hình vuông ABCD cạnh có độ dài 7 cm . Tính chu vi và diện tích của hình vuông ABCD.

Bài 22. Cho mảnh vườn hình vuông cạnh 50m để trồng rau. Hãy tính:

a) Diện tích của mảnh vườn

b) Độ dài hàng rào bao quanh mảnh vườn đó.

Bài 23. Bạn An có một sợi dây ruy băng dài 48cm . Nếu bạn An gấp thành một hình lục giác đều thì độ dài mỗi cạnh của hình lục giác đều mà An tạo ra có độ dài bao nhiêu centimet?

Kí duyệt của BGH

Kí duyệt của TTCM

Nhóm chuyên môn

Phan Khánh

Tạ t Việt Hà

Phan Khánh

Lê Thảo Nguyên